

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: Y KHOA

MÃ NGÀNH: 7720101

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~361~~ QĐ-NTT ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. Tên ngành đào tạo: Y khoa

- Tên tiếng Việt: Y khoa
- Tên tiếng Anh: Medical

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Loại hình đào tạo: Tập trung chính quy

4. Khóa học áp dụng: 2020

5. Thời gian đào tạo: 6 năm

6. Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tên tiếng Việt: Bác sĩ Y khoa
- + Tên tiếng Anh: Doctor/The Degree of Doctor

7. Tên đơn vị cấp bằng: Đại học Nguyễn Tất Thành

8. Đơn vị đào tạo

- + Khoa Y
- + Địa chỉ văn phòng: Lầu 6, 300A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
- + Điện thoại liên lạc: 08.62619445 (188)

9. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sin: Tốt nghiệp THPT

Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển: Xét tuyển điểm thi THPT Quốc gia tổ hợp B00

10. Thông tin về các chứng nhận kiểm định

- Đạt chứng nhận 4 sao do Tổ chức Xếp hạng QS World University Ranking cấp năm 2019;
- Đạt kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục & Đào tạo ngày 3/5/2017 do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU – HCM CEA) cấp;

11. Các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

- GA1: Kỹ năng khám bệnh phát hiện các hội chứng lâm sàng;
- GA2: Kỹ năng chẩn đoán bệnh dựa theo kết quả lâm sàng và cận lâm sàng;
- GA3: Kỹ năng điều trị bệnh và giáo dục sức khỏe;
- GA4: Kỹ năng nghiên cứu khoa học.

12. Mục tiêu đào tạo

- PEO1 Kỹ năng khám và điều trị các bệnh lý theo chuyên khoa;
- PEO2 Kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhân và đồng nghiệp;
- PEO3 Kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn;
- PEO4 Kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập.

13. Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Y khoa có:

Kiến thức:

- ELO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực y khoa.
- ELO2 (K2): Nắm vững các môn khoa học đại cương, khoa học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;
- ELO3 (K3): Hiểu biết nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và các yếu tố tiên lượng bệnh để chẩn đoán và phân nhóm mức độ nặng của bệnh;
- ELO4 (K4): Nắm được cách điều trị bệnh theo chuyên khoa và giáo dục sức khỏe.

Kỹ năng

- ELO5 (S1) Kỹ năng giao tiếp tốt với người bệnh trong mọi hoàn cảnh;
- ELO6 (S2) Kỹ năng phân tích các biểu hiện lâm sàng và kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán bệnh chính xác;
- ELO7 (S3) Kỹ năng điều trị toàn diện theo chuyên khoa, quản lý sức khỏe theo chương trình các bệnh mạn tính;
- ELO8 (S4) Kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn.

Thái độ

- ELO9 (A1) Thể hiện tư cách và thái độ đúng đắn với người bệnh, tuân thủ 12 điều y đức;

- ELO10 (A2) Tận tụy trong nghề nghiệp, hết lòng phục vụ người bệnh, tuân thủ qui định của ngành Y;
- ELO11 (A3) Tôn trọng và hợp tác với các đồng nghiệp, làm việc theo nhóm;
- ELO12 (A4) Trung thực, khách quan trong nghề nghiệp và trong nghiên cứu khoa học.

14. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Programme Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

14.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Năng lực cần đạt của SVTN (GAs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)											
	PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4	ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
GA1	✓	✓	✓			✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓	✓	
GA2		✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
GA3	✓				✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
GA4				✓												✓

14.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PEOs)	Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)							
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8
PEO1		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PEO2	✓							✓
PEO3		✓					✓	
PEO4								✓

14.3. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	1. Triệu chứng học			
	2. Điều dưỡng cơ bản			
	3. Hệ tim mạch			
	4. Hệ hô hấp			
	5. Huyết học và miễn dịch- dị ứng			
	6. Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa			
	7. Hệ niệu và cân bằng nội mô			
GA1	8. Hệ thần kinh và hành vi	39	144	59.5%
	9. Hệ nội tiết và chuyển hóa (MODULE)			
	10. Hệ vận động (MODULE)			
	11. Dược lý đại cương			
	12. Hệ sinh dục, thai nghén và sinh sản			
	13. Sơ sinh, trẻ em và vị thành niên			
	14. Tâm lý y học - Đạo đức y học			
	15. Tâm thần			
	16. Ung thư			
	17. Gây mê hồi sức			
	18. Răng hàm mặt			
	19. Tai mũi họng			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)/tổng tín chỉ
	20. Nhãn khoa			
	21. Lao (Lao và bệnh phổi)			
	22. Thần kinh			
	23. Da liễu			
	24. Truyền nhiễm			
	25. Phẫu thuật thực hành			
	26. Phục hồi chức năng			
	27. Y học cổ truyền			
	28. Hồi sức cấp cứu			
	29. Lão khoa và bệnh tật nguyên			
	30. Pháp y			
	31. Kỹ năng y khoa cơ bản			
	32. Nội khoa 1			
	33. Nội khoa 2			
	34. Ngoại khoa 1			
	35. Ngoại khoa 2			
	36. Nhi 1			
	37. Nhi 2			
	38. Sản 1			
	39. Sản 2			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA2	40. Chẩn đoán hình ảnh	12	25	10.3%
	41. Lý sinh			
	42. Hóa đại cương			
	43. Sinh học và di truyền			
	44. Sinh học tế bào và phân tử			
	45. Vi sinh-Kí sinh trùng			
	46. Giải phẫu đại cương			
	47. Giải phẫu bệnh đại cương			
GA3	48. Mô phôi đại cương			
	49. Sinh lý đại cương			
	50. Sinh lý bệnh đại cương			
	51. Hóa sinh đại cương			
	52. Tiếng Anh tổng quát 1	16	35	14.5%
	53. Tiếng Anh tổng quát 2			
	54. Tiếng Anh giao tiếp QT 1, 2, 3			
	55. Tin học Mos 1			
	56. Tin học Mos 2			
	57. Kỹ năng giao tiếp			
	58. Kỹ năng giao tiếp (HP2)			
	59. Sức khỏe và bệnh tật			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)/tổng tín chỉ
	60. Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp			
	61. Dân số học			
	62. Dịch tễ học			
	63. Truyền thông và giáo dục sức khỏe			
	64. Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm			
	65. Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết vấn đề YTCC			
GA4	66. Xác suất thống kê y học	3	12	5%
	67. Phương pháp nghiên cứu khoa học			
	68. Khóa luận tốt nghiệp			

15. Cấu trúc chương trình đào tạo

CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (38TC) CHÍNH TRỊ (11 TC) 1. Triết học Mác, Lenin (3 TC) 2. Kinh tế Chính trị Mác-Lenin (2 TC) 3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2 TC) 4. Lịch sử Đảng CSVN (2 TC) 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC) NGOẠI NGỮ (15TC) 1. Tiếng Anh TQ 1 (3 TC) 2. Tiếng Anh TQ 2 (3 TC) 3. Tiếng Anh GTQT 1 (3 TC) 4. Tiếng Anh GTQT 2 (3 TC) 5. Tiếng Anh GTQT 3 (3TC) PHƯƠNG PHÁP - KỸ NĂNG (4 TC) 1. Kỹ năng giao tiếp 1 (2 TC) 2. Kỹ năng giao tiếp HP 2 (2TC) CNTT VÀ CÁC MÔN KHÁC (8 TC) 1. Tin học MOS 1 (2TC) 2. Hóa đại cương (2 TC) 3. Xác suất thống kê y học (2TC) 4. Y học quốc phòng (2TC)	CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (91TC) BẮT BUỘC: 89 TC 1. Lý sinh (2TC) 2. Sinh học và di truyền (2TC) 3. Giải phẫu đại cương (2TC) 4. GP bệnh đại cương (2TC) 5. Mô phôi đại cương (2TC) 6. Vi sinh KST (3TC) 7. Sinh lý đại cương (2TC) 8. Hóa sinh đại cương (2TC) 9. Sinh lý bệnh đại cương (2TC) 10. Dân số học (1TC) 11. SK và bệnh tật (2TC) 12. SKMT&bệnh NN (2TC) 13. TCQLYT&PPGVĐYTCC (2) 14. Dịch tễ học (2TC) 15. TT giáo dục SK (1TC) 16. Chuẩn đoán hình ảnh (2TC) 17. Dược lý đại cương (2TC) 18. DD&VS an toàn TP (2TC) 19. Huyết học và MD-dị ứng (4TC) 20. DD và hệ tiêu hóa (4TC) 21. Hệ niệu và cân bằng NM (4TC) 22. Hệ NT và chuyển hóa (4TC) 23. Hệ vận động (4TC) 24. Hệ thần kinh&hành vi (4TC) 25. Da và các giác quan (4TC) 26. Hệ SD, thai nghén&SS (4TC) 27. Sơ sinh, trẻ em, vị TN (4TC) 28. Tầm lý và ĐB Y khoa (1TC) 29. Pháp Y (1TC) 30. PP NCKH (2TC) 31. SH tế bào và phân tử (2TC) 32. Hệ tim mạch (4TC) 33. Hệ hô hấp (4TC) 34. Điều dưỡng cơ bản (2TC)	TỰ CHỌN CƠ SỞ NGÀNH (2TC) 1. QL tài chính và KTYT (2TC); 2. Quản lý dự án (2TC) 3. Y học hạt nhân (2TC) 4. Công nghệ TB gốc (2TC)	CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (105TC) 1. Kỹ năng y khoa cơ bản (3TC) 2. Triệu chứng học (6TC) 3. Tiếng anh chuyên ngành (3TC) 4. Nội khoa 1, 2 (16TC) 5. Ngoại khoa 1, 2 (16TC) 6. Nhi 1, 2 (14TC) 7. Sản 1,2 (14TC) 8. Hồi sức cấp cứu (2TC) 9. Phẫu thuật thực hành (2TC) 10. Lão khoa và bệnh tật nguyên (2TC) 11. Truyền nhiễm (3TC) 12. Lao (2TC) 13. Thần kinh (2TC) 14. Tâm thần (2TC) 15. Nhân khoa (2TC) 16. Tai – mũi – họng (2TC) 17. Răng – Hàm – Mặt (2TC) 18. Da liễu (2TC) 19. Gây mê hồi sức (2TC) 20. Ung thư (2TC) 21. Y học cổ truyền (2TC) 22. Phục hồi chức năng (2TC) 23. Thực tập cộng đồng (2TC)	TỐT NGHIỆP (8TC) KL TN hoặc thi TN (8TC)
		Y KHOA (242TC)		

16. Sơ đồ hóa kế hoạch đào tạo

Đại cương				Cơ sở ngành				Ngành / Chuyên ngành				
								Bắt buộc				
HK I (12TC)	Triết học Mác-Lênin (3)	Tin học MOS 1 (2)	Hóa học đại cương (2)	KN giao tiếp (2)	Lý sinh (2)	Sinh học và DT (2)						
	KT Chính trị Mác-Lênin (2)	TA tổng quát 1 (3)	Giáo dục thể chất (5)									
HK II (17TC)	Chủ nghĩa XHKH (2)	TA tổng quát 2 (2)	Xác suất TK y học (2TC)	Giải phẫu đại cương (2)	GP bệnh đại cương (2)	Mô phôi đại cương (2)	Vi sinh-KST (3)					
	Y học QP (2)											
HK III (16)	Lịch sử ĐCS Việt Nam (2)	Giáo dục QP (8)	Tiếng anh GTQT 1 (3)	KN giao tiếp HP2 (2)								
HK IV (17)	Tư tưởng HCM (2)	TA GTQT 2 (3)		Sinh lý đại cương (2)	Hóa sinh đại cương (2)	Dân số học (1)	Sức khỏe&bệnh tật (2)					
				Điều dưỡng cơ bản (2)	Dịch tễ học (2)	Truyền thông&GD SK (1)						
HK V (16)		TA GTQT3 (3)		Chuẩn đoán hình ảnh (2)	Dược lý đại cương (2)	Sinh lý bệnh đại cương (2)		Kỹ năng y khoa cơ bản (3)				
				Dinh dưỡng&ATTP (2)		Tổ chức QLYT&PPGQ vấn đề YTCC (2)						
HK VI (17)				Hệ tim mạch (4)	Hệ hô hấp (4)	DD&hệ tiêu hóa (4)	SKMT&bệnh NN (2)	Tiếng anh chuyên ngành (3)				
HK VII (18)				Hệ niệu&CB nội mô (4)	Huyết học&miễn dịch dị ứng (4)		Hệ NT&chuyển hóa (4)	Triệu chứng học (6)				
HK VIII (16)				Hệ vận động (4)	Hệ thần kinh &hành vi (4)	Da&các giác quan (4)						
HK IX (6)				Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên (6)								
HK X (12)				Tâm lý&đạo đức y khoa (1)				Nội khoa 1 (8)	Hội sức cấp cứu (2)	Phẫu thuật TH (2)	Quản lý TC&KT Y tế (2)	
HK XI (16)								Ngoại khoa 1 (8)		Nhi 1 (8)		
HK XII (10)				Pháp Y (1)				Sản 1 (8)				
HK XIII (14)								Lao (2)	Thần kinh (2)	Tâm thần (2)	Nhân khoa (2)	
HK XIV (15)									Răng-hàm-mặt (2)	Da liễu (2)	Gây mê hồi sức (2)	
											Phục hồi CN (2)	
HK XV (4)									Y học cổ truyền (2)	Ung thư (2)		
HK XVI (14)												
HK XVII (14)												
HK XVIII								Khóa luận TN/Thi tốt nghiệp (8)				

17. Đối sánh chương trình ngành đào tạo

17.1. Đối sánh Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
1	Mục tiêu chung: Đào tạo bác sĩ đa khoa có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về y học lâm sàng, y học dự phòng và cộng đồng, kết hợp được y học hiện đại với y học cổ truyền, có khả năng nghiên cứu khoa học, tự đào tạo nâng cao, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng; đủ tự tin tiếp cận, giao lưu và hội nhập thế giới.	Mục tiêu chung: Đào tạo Bác sỹ y khoa có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y khoa cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về Y lâm sàng và cộng đồng, kết hợp với Y học hiện đại, Y học cổ truyền, có khả năng tự đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đủ tự tin tiếp cận, giao lưu và hội nhập với thế giới.	95%
2	Yêu cầu về kiến thức: ● Kiến thức đại cương - Nắm vững kiến thức cơ bản về nguyên lý, quá trình, ứng dụng của các môn học đại cương về lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. - Vận dụng kiến thức trên cho các giai đoạn tiếp theo của chương trình học. ● Kiến thức Y học cơ sở - Nắm vững những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng cơ thể người trong điều kiện bình thường và thường và bệnh lý từ mức phân tử đến mức cơ thể (giải phẫu học, mô học, hóa sinh y học, sinh lý học, được lý học, miễn dịch học, vi trùng học và ký sinh trùng y học). - Hiểu rõ các yếu tố gây bệnh và giải thích được các cơ chế gây bệnh.	Yêu cầu về kiến thức: ● Kiến thức đại cương: - Nắm vững kiến thức cơ bản về nguyên lý, quá trình, ứng dụng của các môn học đại cương về lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. - Vận dụng kiến thức trên cho các giai đoạn tiếp theo của chương trình học. ● Kiến thức Y học cơ sở: - Nắm vững những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng cơ thể người trong điều kiện bình thường và bệnh lý từ mức phân tử đến mức cơ thể (giải phẫu học, mô học, sinh hóa học, sinh lý học, được lý học, miễn dịch học, vi trùng học và ký sinh trùng học). - Hiểu rõ các yếu tố gây bệnh và giải thích được các cơ chế gây bệnh	95%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
	- Vận dụng được các kiến thức trên vào triệu chứng học, được lý học, bệnh học, chăm sóc, điều trị bệnh nhân và nghiên cứu khoa học. • Kiến thức Y học lâm sàng - Hiểu biết về các loại bệnh lý, các hội chứng đặc thù theo từng lứa tuổi, vùng dịch tễ, giới tính. - Các tiêu chuẩn chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng ngừa. - Vận dụng phương pháp luận trong chẩn đoán. - Giá trị các xét nghiệm cận lâm sàng và hình ảnh học. • Kiến thức Y học cộng đồng, y học xã hội - Tư vấn giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. - Tổ chức được các hoạt động khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh. - Đề xuất được các giải pháp can thiệp và thích hợp trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. - Vận dụng được các công nghệ hiện đại của thế giới trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. - Thực hiện được những nghiên cứu khoa học về chuyên ngành. - Thuyết trình được những vấn đề khoa học sức khỏe.	- Vận dụng được các kiến thức trên vào triệu chứng học, được lý học, bệnh học, chăm sóc, điều trị bệnh nhân và nghiên cứu khoa học. • Kiến thức Y học lâm sàng: - Hiểu biết về các loại bệnh lý, biết phân loại bệnh theo nguyên nhân, theo lứa tuổi ... - Biết phương pháp hỏi bệnh để ghi nhận được các triệu chứng cơ năng. - Biết các tiêu chuẩn chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng ngừa. - Biết vận dụng phương pháp luận trong chẩn đoán. - Biết sử dụng các xét nghiệm cận lâm sàng và hình ảnh học phù hợp. • Kiến thức Y học cộng đồng, y học xã hội - Có kiến thức cơ bản về các nguyên lý và các khái niệm về y học cộng đồng, y tế công cộng, y học gia đình và y học xã hội. - Biết cách phát hiện và xử trí các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng (Vấn đề sức khỏe liên quan môi trường, bệnh nghề nghiệp, dinh dưỡng – vệ sinh thực phẩm, dịch bệnh, sức khỏe các lứa tuổi ...). - Biết xây dựng kế hoạch y tế, kế hoạch, kế hoạch hoạt động chuyên môn Y học dự phòng (chương trình y tế, quản lý bệnh viện, dịch vụ y tế, truyền thông giáo dục sức khỏe, kiểm soát nguyên nhân và nguy cơ liên quan bệnh tật cộng đồng).	

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
		- Biết tổ chức thực hiện, tham gia quản lý, giám sát các hoạt động chăm sóc bệnh nhân tại cộng đồng (bệnh thông thường, bệnh mãn tính, bệnh nghề nghiệp, bệnh xã hội, phục hồi chức năng) và phối hợp liên ngành trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.	
3	Yêu cầu về kỹ năng: • Kỹ năng cứng trong nghề nghiệp: - Kỹ năng tiền lâm sàng cơ bản: thực hiện thuần thực các kỹ năng giao tiếp, thăm khám, thủ thuật, xét nghiệm y khoa cơ bản, làm nền tảng cho việc phát triển các kỹ năng trong chẩn đoán và điều trị lâm sàng; đào tạo được các kỹ năng cơ bản cho các nhân viên y tế khác. - Khám và chẩn đoán: khai thác được triệu chứng cơ năng, phát hiện được các triệu chứng thực thể qua thực hành thăm khám lâm sàng, thực hiện và phát hiện các dấu hiệu bệnh lý trong giai đoạn sớm. - Tổng hợp và phân tích được các triệu chứng cơ năng, thực thể và kết quả cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán xác định sớm, chính xác cũng như các chẩn đoán phân biệt tích hợp. - Kỹ năng ra quyết định: dựa trên y học chứng cứ, tuân thủ nội quy của khoa và bệnh viện trong việc ra quyết định trong chẩn đoán, điều trị, lưu bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, hội chẩn hoặc xuất viện. - Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp.	Yêu cầu về kỹ năng: • Kỹ năng cứng trong nghề nghiệp: - Kỹ năng tiền lâm sàng cơ bản: thực hiện thuần thực các kỹ năng giao tiếp, thăm khám, thủ thuật, xét nghiệm y khoa cơ bản, làm nền tảng cho việc phát triển các kỹ năng trong chẩn đoán và điều trị lâm sàng; đào tạo được các kỹ năng cơ bản cho các nhân viên y tế khác. - Khám và chẩn đoán: khai thác được triệu chứng cơ năng, phát hiện được các triệu chứng thực thể qua thực hành thăm khám lâm sàng, thực hiện và phát hiện các dấu hiệu bệnh lý trong giai đoạn sớm. - Tổng hợp và phân tích được các triệu chứng cơ năng, thực thể và kết quả cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán xác định sớm, chính xác cũng như các chẩn đoán phân biệt tích hợp. - Kỹ năng ra quyết định: dựa trên y học chứng cứ, tuân thủ nội quy của khoa và bệnh viện trong việc ra quyết định trong chẩn đoán, điều trị, lưu bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, hội chẩn hoặc xuất viện.	85%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
	- Chẩn đoán và điều trị một số bệnh chuyên khoa. - Sử dụng các thiết bị y khoa cơ bản và cấp cứu: máy đo điện tim, máy đo đường huyết, máy theo dõi monitor, máy sinh hóa, máy huyết học... - Chăm sóc, tư vấn, đặc biệt cho bệnh nhân bệnh mãn tính, biện pháp phòng ngừa trong các bệnh thường gặp, hướng dẫn bệnh nhân chế độ sinh hoạt, dinh dưỡng và làm việc phù hợp. • Kỹ năng hỗ trợ nghề nghiệp và cuộc sống - Ngoại ngữ: Sử dụng thành thạo 4 kỹ năng trong Anh Văn để đọc và hiểu được tài liệu chuyên môn, giao tiếp, tham gia được hội nghị quốc tế và theo học được các chương trình đào tạo sau đại học tại nước ngoài. - Tin học: sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm hỗ trợ để học tập nghiên cứu. Biết sử dụng ít nhất 1 phần mềm thống kê và tìm tin y khoa trên mạng. Biết làm việc qua mạng một cách thành thạo và thường xuyên. - Có kỹ năng giao tiếp, tâm lý tiếp xúc tốt với bệnh nhân, thân nhân và đồng nghiệp. - Tham gia cộng đồng: tìm hiểu, nhận biết và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng. - Làm việc nhóm: thực hiện được các kỹ năng trong quá trình làm việc nhóm, hợp tác trong học tập, tôn trọng kỷ luật nhóm, có tinh thần đồng đội.	- Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp (theo danh sách đính kèm). - Chẩn đoán và điều trị một số bệnh chuyên khoa (theo danh sách đính kèm). - Sử dụng các thiết bị y khoa cơ bản và cấp cứu: máy đo điện tim, máy đo đường huyết, máy theo dõi monitor, máy sinh hóa, máy huyết học ... - Chăm sóc, tư vấn, đặc biệt cho bệnh nhân bệnh mãn tính, biện pháp phòng ngừa trong các bệnh thường gặp, hướng dẫn bệnh nhân chế độ sinh hoạt, dinh dưỡng và làm việc phù hợp. • Kỹ năng hỗ trợ nghề nghiệp và cuộc sống: - Ngoại ngữ: Sử dụng thành thạo 4 kỹ năng trong Anh Văn để đọc và hiểu được tài liệu chuyên môn, giao tiếp, tham gia được hội nghị quốc tế và theo học được các chương trình đào tạo sau đại học tại nước ngoài. Trình độ ngoại ngữ khi ra trường đạt mức 550 TOEFL pBT hoặc 6.0 IELTS. - Tin học: sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm hỗ trợ để học tập nghiên cứu. Biết sử dụng ít nhất 1 phần mềm thống kê và tìm tin y khoa trên mạng. Biết làm việc qua mạng 1 cách thành thạo và thường xuyên. - Giao tiếp: biết cách giao tiếp với bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân và các đồng nghiệp. Biết lắng nghe, đặt câu hỏi, diễn đạt trước công chúng và biết cách thuyết phục. Biết cách giải quyết xung đột.	

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
	- Thể dục, thể thao: luyện tập thể lực thường xuyên, chơi được ít nhất một môn thể thao, tham gia các hoạt động thể thao phù hợp với điều kiện và sở thích. • Kỹ năng tự phát triển - Tự học, tự đào tạo Y khoa liên tục, đào tạo sau đại học (chuyên khoa I, chuyên khoa II, Thạc sĩ, Tiến sĩ); Có khả năng cập nhật kiến thức và các kỹ năng mới, tự hoàn thiện và thăng tiến trong nghề nghiệp. - Nghiên cứu khoa học: đặt câu hỏi nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu, cách tìm nguồn tài trợ, thực hiện được nghiên cứu, viết báo cáo, bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu đúng quy cách tại các hội nghị.	- Tham gia cộng đồng: tìm hiểu, nhận biết và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng. - Làm việc nhóm: thực hiện được các kỹ năng trong quá trình làm việc nhóm, hợp tác trong học tập, tôn trọng kỷ luật nhóm, có tinh thần đồng đội. - Thể dục, thể thao: luyện tập thể lực thường xuyên, chơi được ít nhất một môn thể thao, tham gia các hoạt động thể thao phù hợp với điều kiện và sở thích. • Kỹ năng tự phát triển: - Tự học, tự đào tạo Y khoa liên tục, đào tạo sau đại học (chuyên khoa I, chuyên khoa II, Thạc sĩ, Tiến sĩ); Có khả năng cập nhật kiến thức và các kỹ năng mới, tự hoàn thiện và thăng tiến trong nghề nghiệp. - Nghiên cứu khoa học: biết đặt câu hỏi nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu, biết cách tìm nguồn tài trợ, thực hiện được nghiên cứu, viết báo cáo, bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu đúng quy cách tại các hội nghị.	
4	Yêu cầu về thái độ: - Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với nghề nghiệp, lắng nghe, đồng cảm và chia sẻ với bệnh nhân - Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành, với cộng đồng	Yêu cầu về thái độ: - Tận tụy với nghề nghiệp, nhận thức được tầm quan trọng của các nguyên lý chăm sóc sức khỏe trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. - Nêu cao tinh thần trách nhiệm. Nhận biết cái sai và cách khắc phục các sai lầm trong nghề nghiệp và trong cuộc sống.	80%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Y khoa của ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
	để mang lại hiệu quả tốt nhất trong chăm sóc sức khỏe của người bệnh và cộng đồng. - Trung thực và khách quan trong công việc, trong cuộc sống. Có tinh thần ham học, vượt khó, tự học vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn của mình. - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền;	- Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành. - Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với bệnh nhân, với cộng đồng để mang lại hiệu quả tốt nhất trong chăm sóc sức khỏe của người bệnh và cộng đồng. - Trung thực và khách quan trong công việc, trong cuộc sống. Có tinh thần ham học, vượt khó, tự học vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn của mình. Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền;	

17.2. Đối sánh chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Y dược TP.HCM	CTĐT ngành ngành Y khoa Trường ĐH Y dược Huế	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	240 tín chỉ (Không tính số tín chỉ GDTC và GDQP)	200 tín chỉ (Không tính số tín chỉ GDTC và GDQP)	192 tín chỉ (Không tính số tín chỉ GDTC và GDQP)	Khối lượng tín chỉ của ĐH NTT cao hơn
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	84 môn (bao gồm cả tự chọn/240 tín chỉ)	62 môn/ 200 tín chỉ	63 môn/ 192 tín chỉ	Có sự phân bố khá đồng đều giữa khối lượng tín chỉ đại cương, cơ sở, chuyên
- Kiến thức đại cương	18 môn/ 38 tín chỉ	14 môn/ 42 tín chỉ	13 môn/ 31 tín chỉ	
- Kiến thức cơ sở ngành	38 môn/ 92 tín chỉ	15 môn/ 44 tín chỉ	16 môn/ 39 tín chỉ	
- Học phần chuyên ngành	27 môn/ 104 tín chỉ	30 môn/ 101 tín chỉ	33 môn/ 80 tín chỉ	

Nội dung đối sánh		CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Y dược TP.HCM	CTĐT ngành ngành Y khoa Trường ĐH Y dược Huế	Nhận xét
- Học phần tốt nghiệp		Thi TN hoặc Khóa luận TN/ 8 tín chỉ	Thi TN hoặc KLTN/13 tín chỉ	10 tín chỉ	ngành của trường 3
Phương pháp giảng dạy/học tập		Giảng dạy theo module tích hợp và lồng ghép kiến thức: Lý thuyết, kỹ năng y khoa, thực hành tiền lâm sàng, thực tập lâm sàng	– Giảng dạy theo module tích hợp và lồng ghép kiến thức: Lý thuyết, kỹ năng y khoa, thực hành tiền lâm sàng, thực tập lâm sàng – Áp dụng phương pháp thảo luận dựa trên vấn đề hoặc ca bệnh (PBL – Problem based learning)	Giảng dạy theo module tích hợp và lồng ghép kiến thức: Lý thuyết, kỹ năng y khoa, thực hành tiền lâm sàng, thực tập lâm sàng	Có sự tương đồng và theo đặc thù riêng của từng trường
Học phí		Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	Theo chính sách riêng của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)		Không	Không	Không	

18. Tầm nhìn và sứ mạng

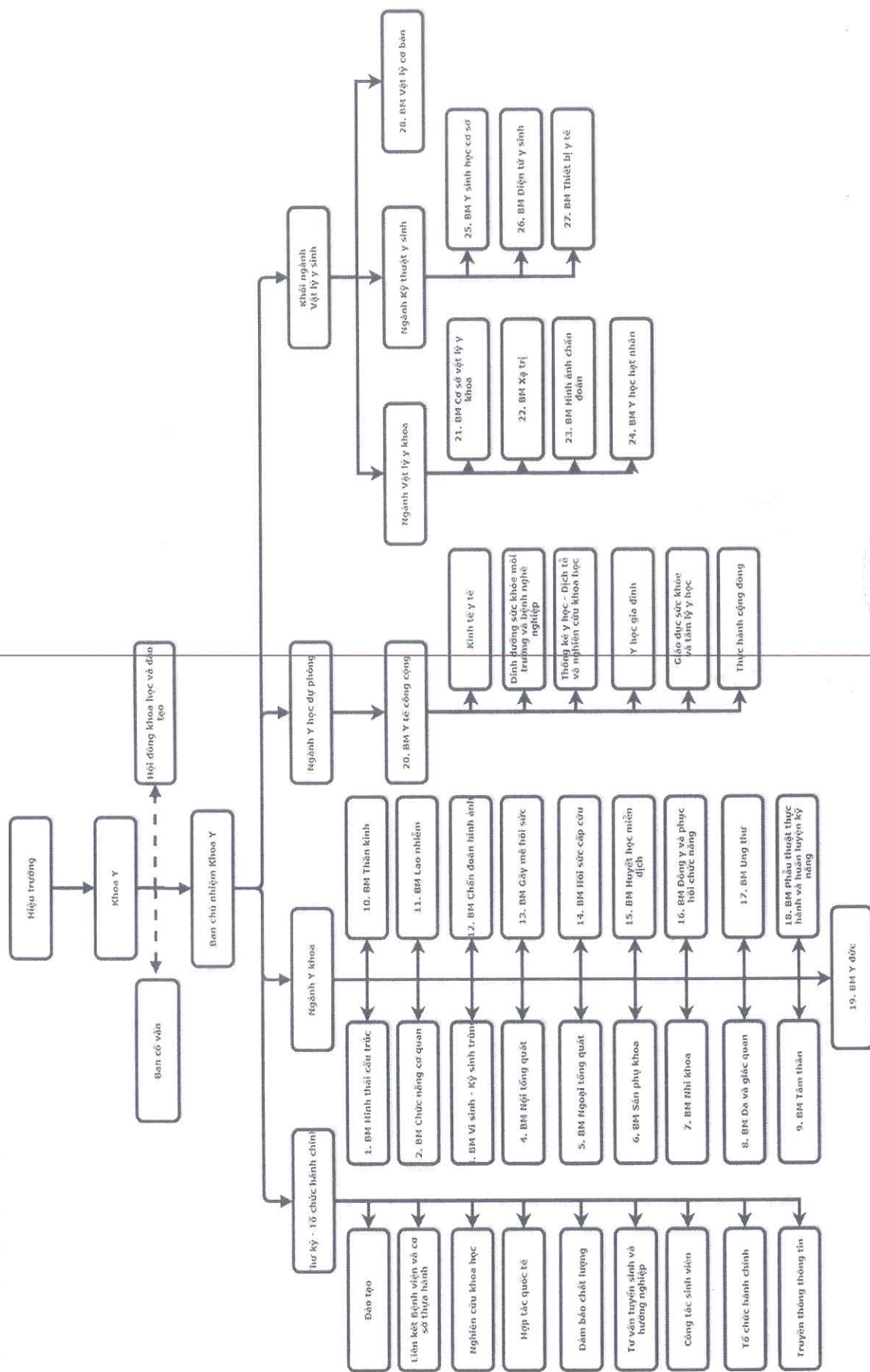
Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

- **Tầm nhìn:** Đến năm 2025, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành là một trường đại học ứng dụng và thực hành, đa ngành, đa bậc học, gắn với nhu cầu phát triển trong và ngoài nước, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.
- **Sứ mạng:** Trường ĐH NTT cam kết cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Y

- **Tầm nhìn:** Khoa Y hướng đến xây dựng một Đại học Sức khỏe; ngang tầm với các trường đại học Y top đầu trong nước và khu vực, nơi hội tụ của khoa học y học, công nghệ, văn hóa, tri thức và y đức của người Việt Nam.
- **Sứ mạng:** Khoa Y quản lý toàn bộ tổ chức theo phương pháp “Lấy sinh viên làm trọng tâm” và “Làm hài lòng giảng viên, cán bộ nhân viên và sinh viên” thể hiện trong chương trình giảng dạy cũng như mô hình tổ chức. Khoa Y định hướng phát triển theo cơ chế tự chủ cao về chuyên môn, là một Khoa Y mở, gắn bó mật thiết với hệ thống các trường đào tạo y dược trong cả nước, quan hệ chặt chẽ với các bệnh viện trong khu vực, phát huy những thế mạnh sẵn có của Đại học Nguyễn Tất Thành đa ngành, đa lĩnh vực để đào tạo ra những bác sĩ, vừa hội đủ yêu cầu chung theo qui định của Bộ Y Tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa mang những đặc thù riêng của Đại học Nguyễn Tất Thành.

19. Sơ đồ tổ chức Khoa



20. Thông tin liên hệ

Khoa Y – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

- Địa chỉ: Phòng 606, 300A Nguyễn Tất Thành, P13, Q4
- Điện thoại: (08) 62619445/ (08) 39415069
- Email: khoay.nttu@gmail.com
- Website: khoay.ntt.edu.vn

21. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo (dự kiến): 2022

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Lê Thị Kim Nhung